

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Số: 15 /2021/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Phước, ngày 20 tháng 5 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định tiêu chí thành lập Văn phòng Công chứng;
việc thay đổi địa điểm trụ sở Văn phòng Công chứng
trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Công chứng ngày 20 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công chứng;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTP ngày 03 tháng 02 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng;



Thực hiện Nghị quyết số 172/NQ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ về chính sách phát triển nghề công chứng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 40/TTr-STP ngày 19 tháng 4 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định tiêu chí thành lập Văn phòng Công chứng; việc thay đổi địa điểm trụ sở Văn phòng Công chứng trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2021 và bãi bỏ Quyết định số 3217/QĐ-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về tiêu chí, phương pháp tính điểm và quy trình xét duyệt hồ sơ thành lập Văn phòng Công chứng trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Cục KTVB - Bộ Tư pháp;
- TTTU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- Như Điều 3;
- Hội Công chứng viên tỉnh Bình Phước;
- Công Thông tin điện tử;
- LĐVP, Phòng NC;
- Lưu: VT. DN24

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Trần Tuệ Hiền
Trần Tuệ Hiền

QUY ĐỊNH

**Tiêu chí thành lập Văn phòng Công chứng;
việc thay đổi địa điểm trụ sở Văn phòng Công chứng
trên địa bàn tỉnh Bình Phước**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 15 /2021/QĐ-UBND
ngày 20 tháng 5 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)*

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định tiêu chí thành lập Văn phòng Công chứng; việc thay đổi địa điểm trụ sở Văn phòng Công chứng từ địa bàn huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi chung là huyện) này sang địa bàn huyện khác trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các công chứng viên đề nghị thành lập Văn phòng Công chứng; các Văn phòng Công chứng và công chứng viên đang hoạt động hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh Bình Phước; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc cấp, cấp lại Giấy đăng ký hoạt động Văn phòng Công chứng trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Nguyên tắc tiếp nhận hồ sơ

1. Việc tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng Công chứng; thay đổi địa điểm trụ sở Văn phòng Công chứng từ địa bàn huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh phải đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, khách quan, chính xác, đúng quy định của pháp luật.

2. Việc thành lập Văn phòng Công chứng; thay đổi địa điểm trụ sở Văn phòng Công chứng từ địa bàn huyện, thị xã, thành phố phải phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, đáp ứng nhu cầu công chứng của từng huyện.

Điều 3. Những trường hợp không thụ lý giải quyết hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng Công chứng

1. Công chứng viên đăng ký hoặc tham gia từ 02 (hai) hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng Công chứng trở lên tại cùng một thời điểm.

2. Công chứng viên nộp hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng Công chứng thuộc trường hợp không được thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

3. Công chứng viên đang bị đình chỉ hành nghề công chứng hoặc đang trong thời gian chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi vi phạm pháp luật về công chứng, chứng thực.

4. Công chứng viên chưa chấm dứt tư cách thành viên hợp danh hoặc chưa chấm dứt nghĩa vụ liên đới chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với các khoản nợ của Văn phòng Công chứng đã phát sinh trước ngày chấm dứt tư cách thành viên hợp danh theo quy định tại Điều 18 Thông tư số 01/2021/TT-BTP ngày 03 tháng 02 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng.

Chương II

TIÊU CHÍ THÀNH LẬP VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG

Điều 4. Tiêu chí về sự cần thiết thành lập Văn phòng Công chứng gắn với nhu cầu công chứng

1. Đối với những địa bàn huyện có số lượng hợp đồng, giao dịch công chứng phát sinh trong một năm dưới 12.000 (mười hai nghìn) hợp đồng, giao dịch thì cho phép thành lập tối đa không quá 02 (hai) Văn phòng Công chứng (bao gồm cả các tổ chức hành nghề công chứng hiện đang hoạt động).

2. Đối với những địa bàn huyện có số lượng hợp đồng, giao dịch công chứng phát sinh trong một năm từ 12.000 (mười hai nghìn) hợp đồng, giao dịch đến dưới 28.000 (hai mươi tám nghìn) hợp đồng, giao dịch thì cho phép thành lập tối đa không quá 04 (bốn) Văn phòng Công chứng (bao gồm cả các tổ chức hành nghề công chứng hiện đang hoạt động và bảo đảm trung bình trong một năm mỗi tổ chức hành nghề công chứng thực hiện công chứng từ 6.000 (sáu nghìn) hợp đồng, giao dịch trở lên).

3. Đối với những địa bàn huyện có số lượng hợp đồng, giao dịch công chứng phát sinh trong một năm từ 28.000 (hai mươi tám nghìn) đến dưới 42.000 (bốn mươi hai nghìn) hợp đồng, giao dịch trở lên thì cho phép thành lập tối đa không quá 06 (sáu) Văn phòng Công chứng (bao gồm cả các tổ chức hành nghề công chứng hiện đang hoạt động và bảo đảm trung bình trong một năm mỗi tổ chức hành nghề công chứng thực hiện công chứng từ 6.000 (sáu nghìn) hợp đồng, giao dịch trở lên).

Các địa bàn huyện có số lượng hợp đồng, giao dịch công chứng phát sinh trong một năm trên 42.000 (bốn mươi hai nghìn) hợp đồng, giao dịch, thì cứ tăng thêm 8.000 (tám nghìn) hợp đồng, giao dịch thì được thành lập thêm 01 (một) Văn phòng công chứng.

4. Đối với địa bàn huyện đã thành lập đủ số lượng Văn phòng Công chứng nhưng trong quá trình hoạt động có 02 (hai) Văn phòng Công chứng trở lên thường xuyên (05 tháng liên tục) chỉ có 01 Công chứng viên thực hiện hoạt động công chứng các hợp đồng, giao dịch thì có thể được xem xét thành lập thêm 01 (một) Văn phòng Công chứng để đáp ứng và phục vụ kịp thời nhu cầu công chứng, hợp đồng giao dịch của tổ chức, cá nhân.

5. Sở Tư pháp có trách nhiệm theo dõi, tổng hợp số lượng hợp đồng, giao dịch theo chế độ báo cáo thống kê do Bộ Tư pháp quy định (tính đến ngày 31 tháng 12 hàng năm) và tổng hợp số lượng hợp đồng, giao dịch phát sinh trong một năm trên địa bàn mỗi huyện làm cơ sở để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định số lượng Văn phòng Công chứng được phép thành lập mới theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Tiêu chí về các điều kiện bảo đảm cho hoạt động của Văn phòng công chứng

1. Về tổ chức nhân sự

Văn phòng Công chứng khi xin phép thành lập phải đáp ứng quy định của pháp luật về: Số lượng công chứng viên và điều kiện Trưởng Văn phòng Công chứng, các vị trí nhân sự phụ trách kế toán, lưu trữ, công nghệ thông tin, chuyên viên pháp lý làm việc tại Văn phòng Công chứng.

2. Về trụ sở làm việc

Trụ sở của Văn phòng Công chứng phải có địa chỉ cụ thể, diện tích trụ sở tối thiểu 200m², đảm bảo điều kiện về trụ sở theo quy định tại khoản 4 Điều 22 Luật Công chứng năm 2014 và khoản 1 Điều 17 Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công chứng.

3. Về trang thiết bị phục vụ cho hoạt động hành nghề công chứng và ứng dụng công nghệ thông tin.

4. Về đảm bảo an ninh trật tự, an toàn giao thông và phòng chống cháy nổ.

Điều 6. Tiêu chí tính khả thi của Đề án thành lập Văn phòng Công chứng

1. Đề án xác định được thời gian, tiến độ thực hiện các dự kiến về tổ chức nhân sự và cơ sở vật chất, trang thiết bị của Văn phòng Công chứng đúng quy định.

2. Đề án phải xây dựng được các giải pháp để giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan đến hoạt động của Văn phòng Công chứng.

Điều 7. Xét duyệt hồ sơ thành lập Văn phòng Công chứng

1. Thành lập Tổ xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng Công chứng

a) Giao Giám đốc Sở Tư pháp quyết định thành lập Tổ xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng Công chứng từ 05 đến 07 thành viên, gồm: Tổ trưởng là Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở Tư pháp; đại diện: Hội Công chứng viên tỉnh và đại diện một số phòng, đơn vị thuộc Sở Tư pháp.

Giám đốc Sở Tư pháp có trách nhiệm ban hành quy chế hoạt động và quy trình xét duyệt hồ sơ của Tổ xét duyệt.



b) Việc thành lập Tổ xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng Công chứng phải đảm bảo đúng quy định của Luật Công chứng, Luật Phòng, chống tham nhũng và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Hồ sơ xét duyệt phải tuân theo quy định của Luật Công chứng, Quy định này và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

3. Nguyên tắc xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng Công chứng

Hồ sơ xin thành lập Văn phòng Công chứng được chọn để cho phép thành lập ngoài việc đáp ứng các nội dung của Quy định này và các quy định pháp luật khác có liên quan phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Điểm số bình quân chấm của các thành viên trong Tổ xét duyệt phải đạt từ 60 điểm trở lên;

b) Nếu trong cùng một địa bàn huyện mà có nhiều hồ sơ xin thành lập, thì hồ sơ nào có số điểm bình quân cao nhất thì được chọn để cho phép thành lập;

c) Trong trường hợp có nhiều hồ sơ xin thành lập Văn phòng Công chứng có số điểm bình quân của các thành viên trong Tổ xét duyệt bằng nhau thì điểm số tiêu chí theo thứ tự ưu tiên dưới đây cao hơn sẽ được chọn:

- Số lượng công chứng viên;
- Kinh nghiệm của công chứng viên;
- Nhân viên nghiệp vụ;
- Không có tiêu chí nào bị chấm 0 điểm.

d) Thang điểm các tiêu chí thành lập Văn phòng Công chứng được ban hành tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Chương III

VIỆC THAY ĐỔI TRỤ SỞ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG TỪ ĐỊA BÀN HUYỆN NÀY SANG ĐỊA BÀN HUYỆN KHÁC

Điều 8. Điều kiện thay đổi địa điểm trụ sở của Văn phòng Công chứng từ địa bàn huyện này sang địa bàn huyện khác

1. Văn phòng Công chứng khi thay đổi nội dung đăng ký hoạt động về việc thay đổi địa điểm trụ sở từ địa bàn huyện này sang địa bàn huyện khác phải được Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định và đáp ứng điều kiện:

a) Địa bàn huyện nơi dự kiến chuyển đến phải đảm bảo theo quy định tại Điều 4 của Quy định này;

b) Vị trí dự kiến đặt trụ sở phải đảm bảo quy định tại khoản 2 Điều 5 của Quy định này.

2. Sở Tư pháp có trách nhiệm kiểm tra điều kiện thay đổi địa điểm trụ sở của Văn phòng Công chứng theo quy định.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Điều khoản thi hành

1. Quy định chuyên tiếp

Đối với các Tổ chức hành nghề công chứng đã được thành lập trước khi Quy định này có hiệu lực thi hành thì vẫn tiếp tục hoạt động theo quy định của pháp luật. Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ xem xét số lượng và cho phép thành lập mới đối với địa bàn huyện còn thiếu Văn phòng Công chứng theo quy định tại Điều 4 Quy định này.

2. Kinh phí thực hiện

a) Kinh phí thành lập, thay đổi địa điểm trụ sở Văn phòng Công chứng do các công chứng viên hợp danh tự đảm bảo;

b) Ngân sách tỉnh bảo đảm kinh phí cho hoạt động thẩm định hồ sơ thành lập, thay đổi địa điểm trụ sở Văn phòng Công chứng và công tác kiểm tra, giám sát của Sở Tư pháp trong dự toán chi ngân sách hàng năm của Sở Tư pháp.

3. Tổ chức thực hiện

a) Sở Tư pháp có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Quy định này;

b) Trong quá trình thực hiện quyết định này nếu có khó khăn, vướng mắc thì các cơ quan, đơn vị, địa phương và các tổ chức, cá nhân kịp thời báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Tư pháp) để Sở Tư pháp tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế của địa phương và theo quy định pháp luật hiện hành./.



PHỤ LỤC

Thang chấm điểm các tiêu chí thành lập Văn phòng Công chứng
(Kèm theo Quyết định số: 15 /2021/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

Tổng số điểm: 100 điểm

Stt	Nội dung tiêu chí	Số điểm (tối đa)	Ghi chú
1	Số lượng hợp đồng, giao dịch phát sinh trong 01 năm trên địa bàn cấp huyện nơi Văn phòng Công chứng được đề nghị thành lập		
a)	Đáp ứng quy định tại Điều 4 của Quy định	Thụ lý	
b)	Không đáp ứng quy định tại Điều 4 Quy định	Không thụ lý	
2.	Các điều kiện bảo đảm cho hoạt động của các Văn phòng công chứng	90	
2.1	Về tổ chức nhân sự	55	
a)	Số lượng Công chứng viên	10	
+	02 (hai) công chứng viên	6	
+	03 (ba) công chứng viên	8	
+	04 (bốn) công chứng viên trở lên	10	
b)	Về kinh nghiệm của công chứng viên: (Số điểm tại các tiêu chí này được xét cho từng công chứng viên. Nếu hồ sơ có nhiều công chứng viên và tổng số điểm tiêu chí này cao hơn 28 điểm thì chỉ tính tối đa 28 điểm)	28	
-	Thời gian công tác pháp luật sau khi có bằng cử nhân luật:	3	
+	Dưới 5 năm	1	
+	Từ 5 năm đến 7 năm	2	
+	Từ 7 năm trở lên	3	
-	Có thời gian công tác liên quan đến chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực công chứng tại các cơ quan quản lý nhà nước trước khi bổ nhiệm công chứng viên hoặc đã từng là Trưởng các tổ chức hành nghề công chứng	3	



+	Dưới 02 năm	3	
+	Từ 02 năm trở lên	4	
-	Có thời gian làm chuyên viên pháp lý hoặc nhân viên nghiệp vụ tại các tổ chức hành nghề công chứng trước khi được bổ nhiệm công chứng viên:	3	
+	Dưới 03 năm	1	
+	Từ 03 năm đến 5 năm	2	
+	Từ 5 năm trở lên	3	
-	Đã từng là công chứng viên tại các tổ chức hành nghề công chứng khác trước khi tham gia đề nghị xét duyệt thành lập Văn phòng công chứng:	5	
+	Dưới 02 năm	2	
+	Từ 02 năm đến 4 năm	3	
+	Từ 4 năm trở lên	5	
c)	<i>Về kinh nghiệm hành nghề công chứng của công chứng viên dự kiến là Trưởng Văn phòng công chứng:</i>	5	
-	Từ 2 năm đến 4 năm	2	
-	Từ 4 năm đến 5 năm	3	
-	Từ 5 năm trở lên	5	
d)	<i>Về nhân viên nghiệp vụ: (Số điểm tại tiêu chí này chỉ tính điểm nếu nhân viên nghiệp vụ dự kiến được ký hợp đồng lao động từ 02 năm trở lên. Nếu hồ sơ có nhiều nhân viên nghiệp vụ và tổng số điểm cao hơn 6 điểm thì chỉ tính điểm tối đa 06 điểm)</i>	6	
-	Nhân viên nghiệp vụ có thời gian công tác nghiệp vụ công chứng:	2	
+	Dưới 02 năm	1	
+	Từ 02 năm trở lên	2	
-	Nhân viên nghiệp vụ đã có chứng chỉ tốt nghiệp khóa bồi dưỡng nghiệp vụ công chứng	1	
+	Chưa có	0	
+	Đã có	1	

d)	<i>Về nhân viên phụ trách kế toán</i>	2	
-	Văn phòng không có nhân viên phụ trách kế toán	0	
-	Nhân viên kế toán đã tốt nghiệp chuyên ngành kế toán:	1	
+	Trung cấp trở xuống	0.5	
+	Cao đẳng trở lên	1	
-	Nhân viên kế toán có thời gian làm công tác kế toán:	1	
+	Dưới 01 năm	0,5	
+	Từ 01 năm trở lên	1	
e)	<i>Về nhân viên phụ trách công nghệ thông tin:</i>	2	
-	Văn phòng không có nhân viên phụ trách công nghệ thông tin	0	
-	Nhân viên phụ trách công nghệ thông tin đã tốt nghiệp chuyên ngành công nghệ, thông tin:	1	
+	Trung cấp trở xuống	0.5	
+	Cao đẳng trở lên	1	
-	Nhân viên công nghệ thông tin có thời gian làm công tác công nghệ thông tin:	1	
+	Dưới 01 năm	0,5	
+	Từ 01 năm trở lên	1	
g)	<i>Về nhân viên văn thư, lưu trữ:</i>	2	
-	Văn phòng Công chứng không có nhân viên phụ trách công tác văn thư, lưu trữ	0	
-	Nhân viên phụ trách văn thư, lưu trữ đã tốt nghiệp chuyên ngành văn thư, lưu trữ:	1	
+	Trung cấp trở xuống	0.5	
+	Cao đẳng trở lên	1	
-	Nhân viên văn thư, lưu trữ có thời gian làm công tác văn thư, lưu trữ:	1	
+	Dưới 01 năm	0,5	
+	Từ 01 năm trở lên	1	



2.2	Về dự kiến trụ sở làm việc	27	
a)	Về địa điểm dự kiến đặt trụ sở Văn phòng công chứng	5	
-	Dự kiến đặt trụ sở Văn phòng Công chứng trên địa bàn cấp xã đã có tổ chức hành nghề công chứng đang hoạt động	0	
-	Dự kiến đặt trụ sở Văn phòng Công chứng trên địa bàn cấp xã chưa có tổ chức hành nghề công chứng đang hoạt động	5	
b)	Về diện tích đất của trụ sở văn phòng công chứng:	5	
-	Dưới 200m ²	Không thụ lý	
-	Từ 200m ² đến dưới 250m ²	2	
-	Từ 250m ² đến 350 m ²	4	
-	Từ 350m ² trở lên	5	
c)	Về diện tích làm việc và nơi tiếp người yêu cầu công chứng của Văn phòng Công chứng (không tính diện tích kho lưu trữ, khu vệ sinh, cầu thang...):	6	
-	Dưới 100 m ²	2	
-	Từ 100 m ² đến dưới 150 m ²	5	
-	Từ 150 m ² trở lên	6	
d)	Về tính pháp lý của trụ sở văn phòng công chứng:	5	
-	Trụ sở của Văn phòng là tài sản của Văn phòng Công chứng do các công chứng viên hợp danh góp vốn thành lập hoặc được thuê, mượn thuộc sở hữu của các công chứng viên hợp danh của Văn phòng công chứng:	5	
+	Từ 03 năm đến dưới 05 năm	3	
+	Từ 05 năm trở lên	5	
-	Trụ sở văn phòng được thuê, mượn của tổ chức, cá nhân không phải là công chứng viên hợp danh của Văn phòng công chứng:	4	
+	Dưới 05 năm	2	
+	Từ 05 năm trở lên	4	
đ)	Về dự kiến tổ chức, bố trí sử dụng trụ sở:	1	
-	Không có bản vẽ, sơ đồ cụ thể về cách tổ chức, bố trí trụ sở	0	

	làm việc, khu vệ sinh, cơ sở vật chất của đơn vị khi được phép thành lập		
-	Có bản vẽ, sơ đồ cụ thể về cách tổ chức, bố trí trụ sở làm việc, khu vệ sinh, cơ sở vật chất của đơn vị khi được phép thành lập	1	
e)	<i>Về bố trí kho lưu trữ:</i>	5	
-	Về diện tích kho lưu trữ:	4	
+	Dưới 50m ²	1	
+	Từ 50 m ² trở lên	4	
-	Trang bị tủ, kệ và các trang thiết bị cần thiết khác đảm bảo cho việc lưu trữ hồ sơ công chứng an toàn	1	
+	Không trang bị	0	
+	Có trang bị	1	
2.3	VỀ DỰ KIẾN BỐ TRÍ TRANG THIẾT BỊ PHỤC VỤ CHO HOẠT ĐỘNG CÔNG CHỨNG	2	
	Trang bị máy tính, máy in, máy photocopy, tủ, kệ, bàn ghế làm việc, bàn ghế tiếp công dân và các trang thiết bị văn phòng cần thiết khác đảm bảo cho hoạt động của văn phòng công chứng; trang bị thiết bị, đường truyền, kết nối phần mềm cơ sở dữ liệu công chứng		
-	Trang bị không đầy đủ	1	
-	Trang bị đầy đủ	2	
2.4.	Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn giao thông và phòng chống cháy nổ	6	
a)	<i>Về bố trí diện tích đậu, đỗ xe của khách hàng đến công chứng:</i>	2	
-	Không bố trí diện tích đậu, đỗ xe hợp pháp hoặc có bố trí diện tích đậu, đỗ xe nhưng diện tích dưới 15m ²	0,5	
-	Bố trí nơi đậu, đỗ xe hợp pháp, thuận tiện (không cách xa trụ sở Văn phòng Công chứng quá 50m), đảm bảo an ninh trật tự, an toàn giao thông và có diện tích:		
+	Từ 15m ² đến dưới 40m ²	1	
+	Từ 40m ² trở lên	2	
b)	<i>Việc bố trí nhân viên bảo vệ, đảm bảo trật tự an toàn giao thông</i>	2	



-	Không bố trí	0	
-	Có bố trí	2	
c)	<i>Có trang bị bình chữa cháy và trang bị các phương tiện khác về phòng cháy, chữa cháy</i>	2	
-	Không trang bị	0	
-	Có trang bị	2	
3.	Tính khả thi của Đề án thành lập Văn phòng Công chứng	10	
	Đề án xác định được thời gian, tiến độ thực hiện các dự kiến về tổ chức nhân sự và cơ sở vật chất, trang thiết bị của Văn phòng đúng quy định và xây dựng được các giải pháp để giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan đến hoạt động của Văn phòng công chứng.		
-	Không đầy đủ các nội dung và tính khả thi không cao	5	
-	Đầy đủ các nội dung và đảm bảo tính khả thi	10	